

Bản án số: 59/2023/DS-PT

Ngày: 22/02/2023

V/v: Tranh chấp thừa kế.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Ông Vũ Toàn Giang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Mai Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 474/2022/TLPT- DS ngày 10 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp thừa kế; Do Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DSST ngày 26/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai bị kháng cáo; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 494/2022/QĐ – PT ngày 21 tháng 11 năm 2022; Giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1- Bà **Trần Thị Lạc**, sinh năm 1950. Nơi ĐKNKTT: Số nhà 16, ngõ 169, phố Phạm Hữu Điều, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Số 10, ngách 22, ngõ 92 đường Lê Thánh Tông, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng. Có mặt.

2- Bà **Trần Thị Nhân**, sinh 1952. Nơi ĐKNKTT: Thôn Tảo Dương, xã Hồng Dương, Thanh Oai, thành phố Hà Nội; Nơi ở hiện nay: Số 57, đường Trung tâm xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lạc, bà Nhân: Ông **Trần Xuân Bình**, sinh năm 1982. Trú tại: Số nhà 62, ngách 279/37, Tò 7, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Có mặt.

Bị đơn: Ông **Trần Vĩnh Trân**, sinh năm 1944. ĐKNKTT: xóm Tiểu, thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Số 38 đường Cô Giang, phường 4, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người được ủy quyền: Anh **Trần Văn Thành**, sinh năm 1969 (con đẻ ông Trần).
Nơi cư trú: Số 38 đường Cô Giang, phường 4, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có mặt

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Nguyễn Thị Mậu**, sinh năm 1948 (vợ ông Trần). ĐKNKTT: xóm Tiểu, thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội. Chỗ ở: Số 38 đường Cô Giang, phường 4, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người được ủy quyền: Anh Trần Văn Thành (con ông Trần, bà Mậu). Có mặt

2. Anh **Trần Văn Thành**, sinh năm 1969 (con đẻ ông Trần, bà Mậu). Nơi cư trú: Số 38 đường Cô Giang, Phường 4, thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Có mặt

3. Chị **Trần Thị Hương**, sinh năm 1972 (con đẻ ông Trần, bà Mậu); Nơi cư trú: Số 10 ngách 62 ngõ Thổ Quan, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, TP. Hà Nội. Vắng mặt

4. Anh **Trần Vĩnh Thịnh**, sinh năm 1975 (con đẻ ông Trần, bà Mậu); Trú tại: số nhà 504 Phạm Văn Bạch, phường 12, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt

5. Chị **Trần Thị Lan**, sinh năm 1977 (con đẻ ông Trần, bà Mậu). Nơi cư trú cuối cùng: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP. Hà Nội. Vắng mặt

Người kháng cáo: Ông Trần Vĩnh Trân; Bà Trần Thị Lạc; Bà Trần Thị Nhân

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn là bà Trần Thị Lạc và bà Trần Thị Nhân trình bày:

Thửa đất số 116, tờ bản đồ số 08, có diện tích 670m² địa chỉ: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội (Nay là số nhà 74 đường thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương) đã được UBND huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/12/2007 mang tên Hộ ông Trần Vĩnh Trân. Thửa đất này có nguồn gốc từ ông bà nội của bà là cố Trần Văn Khoái (chết năm 1913) vợ là cố Lê Thị Phả (chết năm 1968) để lại cho bố bà là cụ Trần Vĩnh Tuy (chết năm 1953) và vợ là cụ Đỗ Thị Thỏa (chết năm 1955). Cố Khoái và cố Phả chỉ có 01 con duy nhất là cụ Tuy.

Cụ Tuy và cụ Thỏa sinh được ba người con là: Trần Vĩnh Trân, sinh năm 1945; Trần Thị Lạc, sinh năm 1950; Trần Thị Nhân, sinh 1952. Ngoài ba người con trên, bố mẹ hai bà không có con riêng và không có con nuôi nào khác.

Thửa đất trên hiện nay do ông Trần Vĩnh Trân đại diện hộ gia đình đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 924917 do UBND huyện Thanh Oai cấp ngày 27/12/2007. Năm 2006, ông Trần đã thống nhất lập giấy chia đất cho 2 bà 100 m² đất để 2 bà làm nhà đi lại về sau này với gia đình và gia tộc. Ngày 08/4/2008 ông Trần cùng chị em bà đã thống nhất làm đơn chuyển nhượng đất thổ cư (đất ở) của gia đình cho bà Lạc, bà Nhân 100 m² đất, có xác nhận của họ Trần là ông Trần Văn Dinh, Trần Bình Khiêm và đại diện cơ sở thôn là ông Đỗ Xuân Hòa xác nhận nhưng sau ông Trần không thực hiện nên hai bà khởi kiện yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế thửa đất trên theo pháp luật.

Tại phiên hòa giải ngày 18/02/2020, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên quan điểm chia được 100m² đất như trong giấy ông Trần Vĩnh Trân đã chia. Tại

phiên tòa ngày 07/8/2020 hai bà Lạc và Nhân đồng ý nhận thanh toán bằng tiền hoặc vàng, anh Thành đại diện cho ông Trần đồng ý thanh toán cho mỗi bà 200.000.000 đồng nhưng hai bà không đồng ý và yêu cầu phải thanh toán cho mỗi bà là 300.000.000 đồng. Do không thỏa thuận được về mức thanh toán giá trị nên hai bà tiếp tục yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Bị đơn: Ông Trần Vĩnh Trân có đơn trình bày với nội dung: Thừa đất tranh chấp là đất thờ tự của gia tộc, do ông nội ông là cố Trần Vĩnh Khoái để lại cho bố ông là cụ Trần Vĩnh Tuy và bố ông để lại cho ông. Trước khi cố Phả chết, cố đã viết di chúc giao lại toàn bộ nhà đất cho ông để làm nơi thờ cúng các cụ, do chiến tranh và lâu ngày nên di chúc bị thất lạc, ông đã xin xác nhận của chính quyền xác nhận việc này rồi vì thế ông không đồng ý chia cho bà Lạc và bà Nhân.

Ông Trần ủy quyền cho con trai trưởng là anh Trần Văn Thành đại diện cho ông tham gia tố tụng tại Tòa án, sau đó ông Trần lại làm giấy ủy quyền cho luật sư Nguyễn Văn Thuồng.

Ông Thuồng đại diện theo ủy quyền của bị đơn tại cấp sơ thẩm trình bày:

Theo qui định pháp luật trong giai đoạn từ 1980 đến 1993 thì đất đai không phải là di sản thừa kế, Nhà nước thực hiện chế độ quốc hữu hoá đất đai và giao đất cho người có nhu cầu sử dụng theo hạn mức, người sử dụng đất phải có trách nhiệm bồi bổ, phát triển đất, phải có trách nhiệm giao nộp thuế và sản phẩm cho nhà nước, nếu không sử dụng, không thực hiện trách nhiệm khi sử dụng đất thì sẽ bị thu hồi.

Căn cứ qui định tại phần II về Di sản thừa kế, tại Thông tư số 81 của Tòa án nhân dân Tối cao ngày 24/7/1981 thì di sản thừa kế của cụ Tuy, và cụ Thoả là thửa đất số 116 tờ bản đồ số 8 đã không còn kể từ ngày 24/7/1981. Áp dụng Quyết định số 201-CP ngày 01 tháng 07 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ, đối chiếu tình hình sử dụng đất tại địa phương, chế độ quản lý giao đất của UBND xã Hồng Dương, thì Thửa đất số 116 tờ bản đồ số 8 được UBND xã Hồng Dương cấp riêng cho hộ gia đình ông Trần Vĩnh Trân, bà Nguyễn Thị Mậu theo nhu cầu sử dụng đất và được cấp theo hạn mức. Áp dụng Quyết định số 201-CP ngày 01 tháng 07 năm 1980, Luật đất đai năm 1987 và Luật đất đai năm 1993 thì Thửa đất số 116 tờ bản đồ số 8 được UBND xã Hồng Dương giao cho hộ gia đình ông Trần, bà Mậu và gia đình ông Trần, bà Mậu sử dụng liên tục từ năm 1980 đến nay đúng mục đích, đúng qui hoạch, đúng pháp luật, luôn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước nên không bị thu hồi. Vì vậy, yêu cầu chia thừa kế của bà Trần Thị Lạc và bà Trần Thị Nhân là không có căn cứ. Thửa đất số 116 tờ bản đồ số 8 là tài sản riêng của hộ gia đình ông Trần Vĩnh Trân được nhà nước cấp theo hạn mức để sử dụng theo qui định tại Quyết định số 201-CP ngày 01 tháng 07 năm 1980 của Hội đồng Chính phủ. Đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Trần Văn Thành trình bày: Hộ ông Trần Vĩnh Trân gồm các thành viên: Ông Trần Vĩnh Trân, sinh năm 1944 vợ là bà Nguyễn

Thị Mậu, sinh năm 1948, các con của ông Trần và bà Mậu gồm: Con trai Trần Vĩnh Thành, sinh năm 1969, con gái Trần Thị Hương, sinh năm 1972, con trai Trần Vĩnh Thịnh, sinh năm 1975, con gái Trần Thị Lan, sinh năm 1977 đều sinh quán tại xóm Tiều, thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, Thành phố Hà Nội.

Về nguồn gốc sử dụng đất: Đất là của cụ cố Trần Vĩnh Khoái (chết ngày 10/3/1913) và vợ là cố Lê Thị Phả (chết ngày 26/5/1968) để lại cho ông Trần Vĩnh Trân. Hai cố có con trai duy nhất là cụ Trần Vĩnh Tuy (chết ngày 28/9/1953), có vợ cả là cụ Lê thị Miết, chết năm 1987, không có con, vợ hai là cụ Nguyễn Thị Thỏa (chết ngày 13/9/1955). Cụ Tuy và cụ Thỏa sinh được 03 người con gồm: Trần Vĩnh Trân, sinh năm 1944; Trần Thị Lạc, sinh năm 1950; Trần Thị Nhân, sinh năm 1952. Bà Trần Thị Lạc thoát ly năm 1968 (đi học và đi làm) năm 1972, lấy chồng và sinh sống ở Hải Phòng từ đó cho đến nay. Bà Trần Thị Nhân thoát ly năm 1972 (đi học và dạy học ở Sơn La), sau đó lấy chồng, hiện đã có nhà ở xã Hồng Dương – Thanh Oai – Hà Nội. Ông Trần Vĩnh Trân lấy bà Nguyễn Thị Mậu vào năm 1968. Đất các cụ để lại không rõ là bao nhiêu, lúc đầu nhà và đất có ít, xung quanh là ruộng trũng, bờ ao, rãnh nước, bờ tre không ai sử dụng, ông Trần và bà Mậu đã cùng các con cải tạo, san lấp, mở rộng để sử dụng từ năm 1968 mới được như hiện nay (trên 800m²). Khi nhà cửa các cụ để lại hư hỏng thì ông Trần và bà Mậu sửa chữa, đến khi quá cũ nát thì gia đình ông Trần và bà Mậu phá dỡ và xây dựng nhà ở trên thửa đất như hiện nay, thực hiện nghĩa vụ đóng thuế và được cấp giấy chứng nhận thửa đất ngày 27/12/2007 (BL 48). Khi nhà nước thực hiện chính sách quản lý đất đai và chia theo hạn mức thì Ủy ban nhân dân xã Hồng Dương đã thu hồi 288 m² để giao cho gia đình khác, phần còn lại tách thành hai thửa: Một thửa là đất vườn diện tích 212m², một thửa là đất ở diện tích 388m². Trong quá trình sử dụng gia đình ông Trần tiếp tục tôn tạo, mở rộng nên đến năm 1997 xã lập lại bản đồ thì thửa đất ở có diện tích là 470m². Gia đình ông Trần gìn giữ, tôn tạo đất đai cho đến khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hai thửa lại nhập thành một thửa chung thì mới có được như bây giờ. Đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Mậu cùng các anh chị Trần Thị Hương, Trần Vĩnh Thịnh, Trần Thị Lan: Được Tòa án thông báo và niêm yết nhưng không có ý kiến gì.

***Tại Biên bản Thẩm định – định giá tài sản ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Hội Đồng thẩm định, định giá tài sản huyện Thanh Oai, Tp. Hà Nội đã kết luận về giá các tài sản sau:** Đất 654,3m² x 4.000.000 đồng/m² = 2.617.200.000 đồng (Hai tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, hai trăm nghìn đồng). Nhà cấp bốn, xây 1 tầng, đổ mái bê tông, lợp mái chống nóng. Nhà diện tích: 112,1m² x 3.997.000đồng/m² x 55% = 246.434.000 đồng. Mái chống nóng diện tích: 104m² x 950.000đồng/m² x 55% = 54.340.000 đồng. Sân lát gạch đỏ diện tích: 136m² x 253.000đồng/m² x 30% = 10.322.000 đồng. Phần ngõ lát gạch đá xẻ diện tích: 57,7m² x 274.000đồng/m² x 30% = 4.743.000 đồng. Cổng ngõ 4 cánh bằng sắt,

xây trụ hai bên lợp mái ngói khung sắt diện tích: $10,7 \text{ m}^2 \times 476.000 \text{ đồng/m}^2 \times 60\% = 3.055.000 \text{ đồng}$. Tường bao giáp ngõ xây gạch, phía dưới lát đá xẻ diện tích: $23,5 \text{ m}^2 \times 610.000 \text{ đồng/m}^2 \times 40\% = 5.734.000 \text{ đồng}$.

1. Cau 21 cây x 420.000đồng/cây = 8.820.000đồng.

2. Bưởi 08 cây x 200.000đồng/cây = 1.600.000đồng.

3. Xoài 02 cây x 420.000đồng/cây = 840.000đồng.

10. Nhãn 02 cây x 780.000đồng/cây = 1.560.000đồng.

11. Mít 03 cây x 800.000đồng/cây = 2.400.000đồng.

12. Na 02 cây x 100.000đồng/cây = 200.000đồng.

Tổng giá trị tài sản là: 2.957.248.000 đồng (Hai tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng).

Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 26/9/2022 của Tòa án huyện Thanh Oai xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lạc và bà Trần Thị Nhân về yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

Xử: Khối tài sản gồm: Quyền sử dụng $654,3 \text{ m}^2$ đất ở x $4.000.000 \text{ đồng/m}^2 = 2.617.200.000 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, sáu trăm mười bảy triệu, hai trăm nghìn đồng) thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội + Tài sản trên đất (Nhà ở, cây trồng) có giá trị: $340.048.000 \text{ đồng} = \text{Tổng giá trị } 2.957.248.000 \text{ đồng}$ (Hai tỷ, chín trăm năm mươi bảy triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn đồng) được xác định: Hộ gia đình ông Trần Vĩnh Trân có quyền sử dụng, sở hữu $266,3 \text{ m}^2$ đất và tài sản trên đất, phần còn lại 388 m^2 đất ở được xác định là di sản thừa kế chuyển tiếp từ cố Trần Văn Khoái (chết năm 1913), cụ Trần Vĩnh Tuy (Chết năm 1953), cụ Đỗ Thị Thỏ (chết năm 1955), cố Lê Thị Phả (chết năm 1968), cụ Lê Thị Miết (chết năm 1986). Trích công sức duy trì tài sản cho hộ gia đình ông Trần Vĩnh Trân 200 m^2 còn lại 188 m^2 đất được chia thừa kế theo pháp luật.

Xác nhận những người được hưởng thừa kế cuối cùng gồm ông Trần Vĩnh Trân, bà Trần Thị Lạc, bà Trần Thị Nhân, tổng là 3 kỷ phần. Mỗi kỷ phần được hưởng có giá trị là $226.344.000 \text{ đồng}$. Riêng ông Trần Vĩnh Trân được hưởng thêm phần di sản của cụ Miết có giá trị là $72.920.000 \text{ đồng}$, tổng cộng = $299.262.700 \text{ đồng}$.

Giao cho hộ gia đình ông Trần Vĩnh Trân được quản lý, sử dụng toàn bộ $654,3 \text{ m}^2$ đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 924917 do Ủy ban nhân dân huyện Thanh Oai cấp cho hộ gia đình ông Trần Vĩnh Trân ngày 27/12/2007. Hộ gia đình ông Trần Vĩnh Trân gồm các thành viên: Bà Nguyễn Thị Mậu (Vợ ông Trân); Anh Trần Văn Thành, chị Trần Thị Hương, anh Trần Vĩnh Thịnh, chị Trần Thị Lan (các con của ông Trân và bà Mậu) có nghĩa vụ liên đới thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế mà bà Lạc và bà Nhân mỗi bà được hưởng, cụ thể:

Thanh toán trả bà Trần Thị Lạc là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng), thanh toán trả bà Trần Thị Nhân là 230.000.000 đồng (Hai trăm ba mươi triệu đồng) .

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo, quyền thi hành án.

Ông Trần có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lạc, bà Nhân.

Bà Lạc và bà Nhân có đơn kháng cáo: Đề nghị không trích công sức cho ông Trần, chia di sản bằng hiện vật đều cho tất cả các thừa kế.

Tại phiên tòa hôm nay:

Các đương sự giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện VKSND thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành các bước tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện VKSND thành phố Hà Nội đề nghị HĐXX: Không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa; sau khi nghe các bên tranh luận; Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

1. Về thời điểm mở thừa kế, hàng thừa kế:

Cố Trần Văn Khoái chết năm 1913, cố Lê Thị Phả chết năm 1968; Hàng thừa kế thứ nhất của cố Khoái là cố Phả và cụ Trần Vĩnh Tuy; Hàng thừa kế thứ nhất của cố Phả là ông Trần, bà Lạc, bà Nhân (hưởng thế vị của cụ Tuy). Cụ Tuy chết năm 1953, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Tuy là: Cụ Miết, cụ Thỏ, ông Trần và bà Lạc, bà Nhân. Cụ Thỏ chết năm 1955, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thỏ là bà Lạc, bà Nhân, và ông Trần. Cụ Miết chết năm 1987, không có con đẻ. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đều xác định giữa cụ Miết và ông Trần, bà Lạc, bà Nhân không có quan hệ nuôi dưỡng nhau. Theo xác nhận của UBND xã Hồng Dương thì hiện bố, mẹ, anh chị em ruột và cháu ruột của cụ Miết đều đã chết hết, không còn ai. Vì vậy xác định cụ Miết không còn người thừa kế theo pháp luật ở hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai và thứ ba.

2. Về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng đất tranh chấp và việc xác định di sản thừa kế. Nhận thấy:

Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 8 tại: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội của cố Trần Văn Khoái và cố Lê Thị Phả để lại. Từ năm 1968, bà Lạc đi thoát ly; năm 1972 bà Nhân đi thoát ly dạy học tại Sơn La; chỉ còn lại gia đình vợ chồng ông Trần, bà Mậu sử dụng và có công sức quản lý, tôn tạo, san lấp đất trũng, duy trì, đóng thuế và mở rộng đất.

Năm 1983, do gia đình ông Trần sử dụng đất vượt hạn mức nên Ủy ban nhân dân xã đã thu hồi một phần diện tích đất giao cho người khác. Theo Sổ mục kê năm 1983, thửa đất mang số thửa 289 đứng tên bà Mậu (vợ ông Trần), DT 600m² bao gồm: 388m² đất ở và 212m² đất vườn; theo Sổ mục kê năm 1997 thửa đất mang số thửa 116, diện tích 670m² gồm 470m² đất vườn và 200m² đất ở đứng tên ông Trần. Năm 2007 toàn bộ 670m² thửa 116 được UBND huyện Thanh Oai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Trần. Số đo thửa đất thực tế hiện nay là 654,3m².

Phía nguyên đơn đề nghị xác định toàn bộ thửa đất số 116 diện tích 654,3m² (theo số đo hiện nay) là di sản của ông, bà, bố, mẹ các bà để lại chưa chia và đề nghị chia thừa kế theo pháp luật cho chị em các bà được hưởng; Phía bị đơn đề nghị xác định thửa đất này thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình ông Trần vì cụ Phả đã cho ông Trần và hộ gia đình ông Trần đã được Nhà nước công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng, căn cứ Nghị quyết 02/2004/HĐTP ngày 20/8/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì thửa đất này không phải là di sản thừa kế của cố Khoái, cố Phả, cụ Tuy, cụ Thỏa.

Xét thấy:

Thửa đất tranh chấp đã được cấp giấy chứng nhận cho hộ gia đình ông Trần có nguồn gốc một phần là của cố Khoái, cố Phả để lại, gia đình ông Trần, bà Mậu có công sức tôn tạo, duy trì, mở rộng. Không có căn cứ xác định ông Trần đã được cố Phả cho và không có căn cứ xác định bà Lạc, bà Nhân đồng ý với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho hộ ông Trần. Do đó, phần đất của cố Khoái, cố Phả được coi là di sản thừa kế chưa chia nên yêu cầu chia thừa kế di sản của bà Nhân, bà Lạc đối với phần đất của cố Khoái, cố Phả, cụ Tuy, cụ Thỏa là có căn cứ.

Bà Lạc, bà Nhân không xuất trình được tài liệu, chứng cứ xác định diện tích ban đầu của cố Khoái, cố Phả để lại là bao nhiêu. Vợ chồng, con cái ông Trần sử dụng đất từ năm 1968 có công sức san lấp, mở rộng đất ra xung quanh. Năm 1983, địa phương đo đạc lại diện tích, ai chưa có đất đều được cấp đất ở, đất vườn theo hạn mức của địa phương, do gia đình ông Trần đang trực tiếp quản lý, sử dụng đất của ông, cha nên HTX đã trừ hạn mức cấp đất cho gia đình ông Trần vào phần đất của cố Khoái, cố Phả, phần thừa ra mới cắt giao cho người khác. Chính vì vậy, phần đất gia đình ông Trần quản lý sử dụng theo Bản đồ địa chính năm 1986 là 600m² được phân thành 2 loại đất là đất ở 388m² và đất vườn 212m², đến Bản đồ địa chính năm 1997 thì diện tích đất gia đình ông Trần quản lý sử dụng biến động lên 670m² bao gồm 200m² đất ở và 470m² đất vườn cũng căn cứ vào hạn mức đất địa phương cho một hộ gia đình. Phần diện tích chênh lệch giữa bản đồ 1986 và bản đồ 1997 cũng cho thấy có sự tôn tạo, mở rộng đất của hộ gia đình ông Trần từ năm 1986 đến nay.

Như vậy, có thể thấy gia đình ông Trần sử dụng thửa đất này đã hơn 50 năm, có nhiều công sức trong việc gìn giữ, tôn tạo đất, mở rộng diện tích đất. Ngoài ra, ông Trần còn có công sức trong việc làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển mục

đích sử dụng toàn bộ diện tích đất vườn sang loại đất ở, đóng thuế đất hàng năm. Bản án sơ thẩm trích công sức cho gia đình ông Trần là 466,3m² (trong đó có cả phần đất hạn mức theo tiêu chuẩn cấp đất của địa phương mà gia đình ông Trần được khấu trừ vào) là hợp lý.

Phần đất còn lại là 188m² là di sản của cố Khoái, cố Phả để lại được chia thừa kế theo pháp luật theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hợp lý. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Trần về việc xác định toàn bộ thừa đất tranh chấp là của gia đình ông.

3. Về việc chia thừa kế:

Diện tích 188m² đất ở tại thửa 116 TĐĐ số 8 có giá trị là 752.000.000đồng là tài sản chung của cố Khoái, cố Phả mỗi cụ được chia 94m² trị giá 376.000.000 đồng.

Chia bằng giá trị:

+ Chia di sản của cố Khoái: Phần di sản của cố Khoái được chia cho hàng thừa kế thứ nhất là cố Phả và cụ Tuy, mỗi kỹ phần được hưởng 47m² đất, trị giá 188.000.000 đồng.

+ Phần của cụ Tuy là 47m² đất, trị giá 188.000.000 đồng được xác định là tài sản chung vợ chồng giữa cụ Tuy, cụ Miết, cụ Thỏa; mỗi cụ được hưởng là: 15,7m², trị giá 62.666.700 đồng (làm tròn).

+ Chia di sản của cụ Tuy cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ là cố Phả, cụ Miết, cụ Thỏa, ông Trần, bà Lạc, bà Nhân; mỗi người được hưởng: 10.444.000 đồng (làm tròn).

+ Tổng kỹ phần của cụ Thỏa là: 62.666.700 đồng + 10.444.000 đồng = 73.110.700đ

Chia thừa kế của cụ Thỏa cho hàng thừa kế thứ nhất của cụ là ông Trần, bà Lạc, bà Nhân mỗi người được hưởng: 73.110.700đ : 3 = 24.370.000 đồng (làm tròn).

+ Tổng kỹ phần của cố Phả là: 376.000.000đ + 188.000.000đ + 10.444.000đ = 574.444.000đ, được chia thừa kế cho thừa kế thế vị của cụ Tuy là ông Trần, bà Lạc, bà Nhân, mỗi người được hưởng: 574.444.000đ : 3 = 191.481.333đ.

+ Phần của cụ Miết là 10.444.000đ + 62.666.700 = 73.110.700đ.

Như trên đã nhận định: Giữa cụ Miết và các ông, bà Lạc, Nhân, Trần không có công sức chăm sóc, nuôi dưỡng nhau; khi cụ Miết chết các ông, bà Lạc, Nhân, Trần cũng không đứng ra lo việc ma chay cho cụ với tư cách như con, chỉ có ông Trần thực hiện việc cúng, giỗ cụ theo tục lệ thờ cúng mẹ cả. Như vậy cả bà Lạc, bà Nhân và ông Trần không được hưởng thừa kế di sản của cụ Miết theo quy định tại điều 654 Bộ luật dân sự và tại phiên tòa hôm nay, bà Lạc, bà Nhân cũng không đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Miết. Do cụ Miết không còn hàng thừa kế thứ nhất, thứ hai và thứ ba và do ông Trần hiện đang quản lý toàn bộ khối di sản; phần của cụ Miết cũng đã hết thời hiệu chia thừa kế nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Trần, giao kỹ phần của cụ Miết cho ông Trần tiếp tục quản lý, sử dụng là phù hợp.

4. Về việc chia hiện vật:

Hiện nay gia đình ông Trần đã xây dựng, tôn tạo thành một khuôn viên dùng làm nơi thờ cúng cha, mẹ và tổ tiên trên toàn bộ diện tích đất tranh chấp. Mục đích yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Lạc và bà Nhân là muốn có 100m² đất sau đó sẽ bán để có một khoản tiền dưỡng già và ban đầu bà Lạc và bà Nhân cũng muốn được thanh toán bằng tiền nhưng do hai bên không thỏa thuận được mức thanh toán nên bà Lạc và bà Nhân mới yêu cầu chia hiện vật. Tại phiên tòa hôm nay, bản thân bà Lạc và bà Nhân cũng xác nhận nếu chia hiện vật (đất) cho các bà vào diện tích vườn phía trước nhà thờ sẽ không hợp lý, nếu chia vào diện tích đất sau nhà thờ thì sẽ phải trích lối đi dài hơn gần 30m, rộng tối thiểu 1,5m mới vào được phần đất vườn đó trong khi kỹ phần đất của mỗi bà chỉ xấp xỉ 57m² cũng không hợp lý.

Bản án sơ thẩm chia toàn bộ thừa đất cho ông Trần trên cơ sở ông Trần phải thanh toán lại cho bà Lạc, bà Nhân kỹ phần của các bà bằng tiền là hợp lý nên không chấp nhận kháng cáo chia hiện vật của bà Lạc, bà Nhân.

Kỹ phần bằng tiền của bà Lạc, bà Nhân mỗi người là: 191.481.333đ + 24.370.000đ + 10.444.000đ = 226.295.000đ (làm tròn).

Bản án sơ thẩm buộc ông Trần phải thanh toán cho bà Lạc, Nhân mỗi người số tiền là 230.000.000đ là vượt quá kỹ phần của mỗi bà được hưởng.

Do đó cần chấp nhận một phần kháng cáo của ông Trần, sửa lại phần thanh toán của ông Trần cho bà Lạc, bà Nhân.

5. Do toàn bộ thừa đất vẫn giao cho ông Trần nên không cần thiết hủy giấy chứng nhận đã cấp cho hộ ông Trần năm 2007. Tuy nhiên, ông Trần có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký lại GCNQSDĐ theo quyết định của bản án.

6. Về án phí DSPT: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 25/2022/DS-ST ngày 26 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Oai. Cụ thể:

Áp dụng: Các điều 611, 612, 613, 623, 649, 650, 651, 652, 658, 660 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 95, điều 167, 170, 203 Luật đất đai năm 2013, Luật Hôn nhân, gia đình 1959; điều 33 Luật hôn nhân & gia đình năm 2015; Nghị quyết 326 của Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

I. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Lạc và bà Trần Thị Nhân đối với ông Trần Vĩnh Trân về việc chia thừa kế theo pháp luật di sản của cố Trần Văn Khoái, cố Lê Thị Phả, cụ Trần Vĩnh Tuy, cụ Đỗ Thị Thỏa tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.

1.1. Xác định diện tích đất 670m² (Số đo thực tế là 654,3m²) tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội có nguồn gốc của cô Trần Văn Khoái, cô Lê Thị Phả để lại.

1.2. Trích công sức cho ông Trần Vĩnh Trân, bà Nguyễn Thị Mậu bằng diện tích đất là 466,3m².

1.3. xác định diện tích đất còn lại là 188m² tại thửa đất số 116, tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội là di sản của cô Trần Văn Khoái, cô Lê Thị Phả để lại chưa chia.

1.4. Xác định:

+ Cô Trần Văn Khoái chết năm 1913, cô Lê Thị Phả chết năm 1968 không để lại di chúc;

Hàng thừa kế thứ nhất của cô Khoái là cô Lê Thị Phả và cụ Trần Vĩnh Tuy.

Hàng thừa kế thứ nhất của cô Phả là ông Trân, bà Lạc, bà Nhân (hưởng thừa kế thế vị của cụ Tuy).

+ Cụ Miết (chết năm 1986), không còn hàng thừa kế.

+ Cụ Đỗ thị Thỏa (chết năm 1955) không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Thỏa là bà Lạc, bà Nhân, và ông Trân.

+ Cụ Trần Vĩnh Tuy chết năm 1953 không để lại di chúc ; hàng thừa kế thứ nhất là cô Phả, cụ Thỏa, cụ Miết, bà Lạc, bà Nhân, và ông Trân.

1.5. Chia tài sản chung và thừa kế:

+ Diện tích 188m² đất ở tại thửa 116 TĐĐ số 8 có giá trị là 752.000.000 đồng là tài sản chung của cô Khoái, cô Phả; mỗi cô được chia 94m² trị giá 376.000.000 đồng.

+ Chia di sản của cô Khoái cho cô Phả và cụ Tuy, mỗi kỹ phần được hưởng 47m² đất, trị giá 188.000.000 đồng.

+ Phần của cụ Tuy là 47m², trị giá 188.000.000 đồng được xác định là tài sản chung vợ chồng giữa cụ Tuy, cụ Miết, cụ Thỏa. Chia cho mỗi cụ được hưởng là: 15,7m² trị giá 62.666.700 đồng (làm tròn).

+ Chia di sản của cụ Tuy cho cô Phả, cụ Miết, cụ Thỏa, ông Trân, bà Lạc, bà Nhân mỗi người được hưởng: 10.444.000 đồng (làm tròn).

+ Tổng kỹ phần của cụ Thỏa là: 73.110.700 đồng

Chia thừa kế của cụ Thỏa cho ông Trân, bà Lạc, bà Nhân mỗi người được hưởng: 24.370.000 đồng (làm tròn).

+ Tổng kỹ phần của cô Phả là: 574.444.000 đồng, được chia thừa kế cho ông Trân, bà Lạc, bà Nhân, mỗi người được hưởng: 191.481.333 đồng.

+ Phần của cụ Miết là 73.110.700 đồng, giao cho ông Trân quản lý, sử dụng.

1.6. Chia hiện vật:

Giao cho ông Trần Vĩnh Trân, bà Nguyễn Thị Mậu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất 654,3 m² và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 116, tờ bản đồ số 8, có địa chỉ tại: Thôn Hoàng Trung, xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai, TP Hà Nội.

Ông Trân, bà Mậu có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký, điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quyết định của bản án.

1.7. Ông Trần Vĩnh Trân phải thanh toán trả bà Trần Thị Lạc, bà Trần Thị Nhân mỗi bà số tiền là 226.295.000đ (hai trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng).

1.8. Bà Trần Thị Lạc, bà Trần Thị Nhân mỗi bà được nhận số tiền là 226.295.000đ (hai trăm hai mươi sáu triệu, hai trăm chín mươi lăm ngàn đồng) do ông Trần Vĩnh Trân thanh toán.

II. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị Lạc, bà Trần Thị Nhân, và ông Trần Vĩnh Trân.

2.2. Trả lại bà Trần Thị Lạc và bà Trần Thị Nhân số tiền 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền án phí, lệ phí Tòa án số 0002444 ngày 07/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Oai.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị Lạc, bà Trần Thị Nhân, và ông Trần Vĩnh Trân không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

IV. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành hoặc thi hành chưa đầy đủ số tiền phải thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

V. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

VI. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật để thi hành kể từ ngày tuyên án 22/02/2023.

Nơi nhận:

- VKSND TP.Hà Nội;
- TAND Huyện Thanh Oai;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ Sơ vụ án

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thúy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA